

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao  
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2019 - 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Bộ tiêu chí của tỉnh Quảng Ngãi về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3451/SNNPTNT-NTM ngày 08/11/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2019 - 2020.

Bộ tiêu chí này là căn cứ để tập trung chỉ đạo, hỗ trợ xây dựng các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và các xã kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2018 - 2020 trở thành "Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao".

Các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, ngoài việc đạt được các tiêu chí theo Bộ tiêu chí này, còn phải đảm bảo duy trì đạt các tiêu chí khi được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Bộ tiêu chí nâng cao sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của tỉnh trong từng giai đoạn.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh cân đối bố trí các nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn huy động hợp pháp khác để hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo đúng mục tiêu kế hoạch.

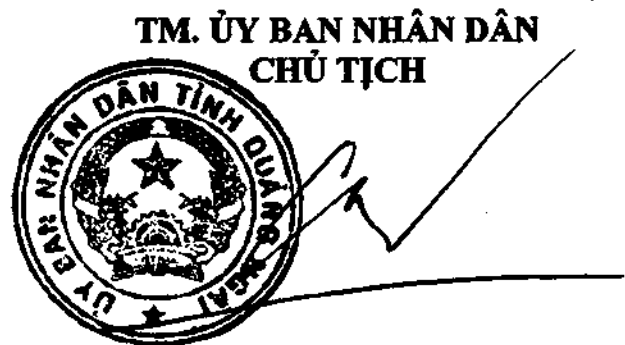
3. UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được theo Bộ tiêu chí của tỉnh Quảng Ngãi về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2019 - 2020 theo Bộ tiêu chí kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- VPUB: PCVP, các P.Ng/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (Vũ 733).



**Phụ lục 1**  
**Quy định về tiêu chí và số tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội**  
**của xã đạt chuẩn quốc gia nâng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**  
**năm 2019 - 2020**  
*(Kèm theo Quyết định số 80 /QĐ-UBND ngày 21 /11/2018*  
*của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*



**1. Tiêu chí về Giao thông**

| Nội dung tiêu chí   | Chỉ tiêu   |  |
|---|--|--|
|   | Khu vực đồng bằng  | Khu vực miền núi, hải đảo  |
| 1.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm | Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp B (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) và được nhựa hóa, bê tông hóa 100% | Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp B (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải), được cứng hóa 100% (trong đó: nhựa hóa, bê tông hóa $\geq 90\%$ ) |
| 1.2. Đường trục thôn, liên thôn được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm   | Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp B (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) được cứng hóa 100%                 | Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp C (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) được cứng hóa $\geq 70\%$ )  |
| 1.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa   | Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp C (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) được cứng hóa 100%                 | Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp C (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) được cứng hóa $\geq 70\%$ )  |
| 1.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm   | Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp C (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) được cứng hóa $\geq 90\%$ )        | Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp D (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) được cứng hóa $\geq 70\%$ )  |

## 2. Tiêu chí về Thủy lợi

| Nội dung tiêu chí   | Chỉ tiêu       |                           |
|---|----------------|---------------------------|
|   | Vùng đồng bằng | Khu vực miền núi, hải đảo |
| Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động theo kế hoạch | > 90%          | ≥ 80%                     |

## 3. Tiêu chí về Điện

| Nội dung tiêu chí                                   | Chỉ tiêu chung |
|---|----------------|
| Tỷ lệ hộ sử dụng thường xuyên, an toàn từ các nguồn | 100%           |

## 4. Tiêu chí về Trường học

| Nội dung tiêu chí   | Chỉ tiêu chung |
|---|----------------|
| Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia | 100%           |

## 5. Tiêu chí về Nhà ở dân cư

| Nội dung tiêu chí                              | Chỉ tiêu chung |
|--|----------------|
| Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định | 100%           |

**BỘ TIÊU CHÍ XÃ HỘI NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI, GIAI ĐOẠN 2019 - 2020**

(Kèm theo Quyết định UBND ngày 24/11/2018  
của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi)



| Lĩnh vực  | Nội dung tiêu chí   | Chỉ tiêu   |
|---|---|--|
| 1. Hạ tầng kinh tế - xã hội                                 | 1.1. Hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo các yêu cầu về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu  | Chi tiết theo phụ lục 1  |
|   | 1.2. Thực hiện quản lý, sử dụng, duy tu, bảo trì, nâng cấp đảm bảo hiệu quả sử dụng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội đã được đầu tư.   | Đạt  |
| 2. Phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống nhân dân | 2.1. Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  | Đạt  |
|   | 2.2. Có ít nhất 01 hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã năm 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng; thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng gắn với phát triển dịch vụ, du lịch... của địa phương.  | Đạt  |
|   | 2.3. Thực hiện cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến, sản phẩm an toàn sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ:<br><br>- Tỷ lệ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực đạt tối thiểu 80% (đối với xã đồng bằng); 50% (đối với xã miền núi, hải đảo).<br><br>- Có ít nhất 01 mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao hoặc sản xuất theo hướng hữu cơ. | Đạt  |
|   | 2.4. Thu nhập bình quân đầu người cao gấp 1,2 lần trở lên so với mức quy định xã đạt chuẩn nông thôn mới tại thời điểm xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.   | Năm 2019:<br>≥ 45 triệu đồng.<br>Năm 2020:<br>≥ 49 triệu đồng. |

| Lĩnh vực  | Nội dung tiêu chí   | Chỉ tiêu |
|---|---|----------|
|   | 2.5. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều <sup>1</sup>   | ≤ 2,5%   |
| 3. Giáo dục -<br>Y tế - Văn hóa                   | 3.1. Nâng cao trình độ dân trí của người dân: Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3; Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt ≥ 65%.   | Đạt      |
|   | 3.2. Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp.  | Đạt      |
|   | 3.3. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được bảo đảm; thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.   | Đạt      |
|   | 3.4. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được bảo đảm, thu hút số lượng lớn người dân tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương; xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo từ thiện.   | Đạt      |
| 4. Cảnh quan -<br>Môi trường                      | 4.1. Cảnh quan, không gian nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp; có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% số hộ dân trên địa bàn toàn xã.  | Đạt      |
|   | 4.2. Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường; có mô hình phân loại rác thải tại nguồn, ít nhất 70% lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã phải được thu gom và xử lý đúng quy định.   | Đạt      |
|   | 4.3. Xã có ít nhất 01 khu dân cư đạt nông thôn mới kiểu mẫu.  |          |
| 5. Quốc<br>phòng, an ninh<br>- Hành chính<br>công | 5.1. Xã vững mạnh toàn diện, hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng an ninh; trật tự xã hội và đảm bảo bình yên; tổ chức có hiệu quả công tác xây dựng, nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến trong phòng, chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, trong đó có ít nhất 01 mô hình tự quản, liên kết hoạt động có hiệu quả được nhân rộng trên địa bàn xã. | Đạt      |
|   | 5.2. Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy  | Đạt      |

<sup>1</sup> Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đưa vào đánh giá sau khi đã trừ các trường hợp diện bảo trợ xã hội hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc bệnh hiểm nghèo

| Lĩnh vực | Nội dung tiêu chí  | Chỉ tiêu |
|----------|--|----------|
|          | định.  |          |
|          | 5.3. Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở. Các thôn xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ. | Đạt      |